

Khái niệm phương pháp: định nghĩa và phân loại

Nguyễn Ngọc Hà¹, Nguyễn Thị Huyền²

¹ Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: nguyenngocha08@gmail.com

² Đại học Bách khoa Hà Nội.

Nhận ngày 8 tháng 1 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 3 năm 2019.

Tóm tắt: Khái niệm phương pháp có vị trí quan trọng hàng đầu trong hệ thống các khái niệm của phương pháp luận. Mỗi phương pháp là một trong những cách thức hoạt động để đạt được một mục tiêu. Phương pháp hoạt động cùng với chủ thể hoạt động, mục tiêu hoạt động, phương tiện hoạt động, hiệu quả hoạt động là các mặt cơ bản của hoạt động. Có phương pháp hoạt động thực tiễn và có phương pháp hoạt động nhận thức. Tương ứng với một hoạt động thực tiễn hoặc hoạt động nhận thức nào đó của con người, có nhiều phương pháp. Để đạt được mục tiêu với hiệu quả tốt nhất, chủ thể hoạt động cần lựa chọn một phương pháp phù hợp.

Từ khóa: Hoạt động, mục tiêu, phương pháp, cách thức.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The concept of method is one of the most important within the system of concepts of methodology. Each method is one of the ways of operations to achieve an objective. The method of operation, together with the subject, the objectives, the means, and the efficiency of operations, are the basic aspects of operation. There are methods of practice and those of cognition. Many methods correspond to a certain practical or cognitive operation of human beings. In order to achieve the objective with the best efficiency, the subject of the operation needs to choose a suitable method.

Keywords: Operation, objective, method, way.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Phương pháp là một khái niệm được sử dụng phổ biến trong ngôn ngữ hàng ngày,

và là đối tượng nghiên cứu của lý luận về phương pháp hay phương pháp luận. Phương pháp luận đã có từ hàng ngàn năm nay. Ở Việt Nam có không ít sách giáo khoa

về phương pháp luận. Khi tiến hành một hoạt động nào đó, chẳng hạn khi tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học, ai cũng phải xác định và lựa chọn phương pháp để đạt được mục tiêu. Tuy nhiên, khái niệm phương pháp lại được sử dụng theo nhiều nghĩa; từ đó, một thao tác hay một hoạt động đối với người này được gọi là phương pháp nhưng đối với người kia không được gọi là phương pháp. Điều đó gây khó khăn cho việc thảo luận để xác định và lựa chọn phương pháp phù hợp. Mục đích của bài viết này là góp thêm ý kiến về việc định nghĩa và phân loại khái niệm phương pháp.

2. Định nghĩa khái niệm phương pháp

Khái niệm phương pháp được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Một số người định nghĩa phương pháp là “cách thức đạt tới mục tiêu” [10, tr.458]. Một số người khác định nghĩa phương pháp là “hệ thống các nguyên tắc vận dụng những nguyên lý, lý luận phản ánh hiện thực khách quan, nhằm chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động cải tạo thực tiễn của con người” [5, tr.154]; hoặc là “hệ thống những nguyên tắc được rút ra từ tri thức về các quy luật khách quan để điều chỉnh hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm thực hiện mục đích nhất định” [6, tr.11]; hoặc là “cách thức được chủ thể sử dụng nhằm đạt được mục đích đã vạch ra” [6, tr.11]; hoặc là “lề lối và cách thức phải theo để tiến hành công tác với kết quả tốt nhất” [13]; hoặc là “một thủ tục hay quy trình có tính hệ thống, thứ tự để đạt đến một số mục tiêu nào đó” [14]. Ngoài ra còn nhiều định nghĩa khác về phương pháp. Mỗi người có quyền sử dụng khái niệm phương pháp hay một khái niệm nào khác theo một nghĩa nào đó, nhưng cần phải xác

định hay giải thích nghĩa ấy một cách đơn giản và rõ ràng để không thể bị người khác hiểu lầm. Đối với tác giả bài viết này, khái niệm phương pháp được sử dụng theo nghĩa là “cách thức đạt tới mục tiêu”. Với nghĩa như vậy, khái niệm phương pháp có các nội dung cơ bản như sau.

Thứ nhất, từ “phương pháp” là cách nói tắt của từ “phương pháp hoạt động”. Phương pháp hoạt động là một mặt của hoạt động (các mặt cơ bản của hoạt động là: chủ thể hoạt động, nội dung hoạt động, mục tiêu hoạt động hay mục đích hoạt động, phương pháp hoạt động hay cách thức hoạt động, hình thức hoạt động, phương thức hoạt động, quy trình hoạt động, thao tác hoạt động, phương tiện hoạt động, đối tượng hoạt động, điều kiện hoạt động, kết quả hoạt động). Một phương pháp hoạt động là một cách thức hoạt động. Cách thức hoạt động thường được gọi tắt là cách hoạt động. Ví dụ, cách ăn bằng đũa và cách ăn không bằng đũa là hai phương pháp hoạt động.

Thứ hai, một phương pháp hoạt động được biểu đạt dưới dạng một động từ, chứ không phải dưới dạng một danh từ. Nếu một cái gì đó được biểu đạt bằng một danh từ, chứ không phải bằng một động từ, thì cái đó không phải là một phương pháp hoạt động. Ở ví dụ trên, từ “ăn bằng đũa” là một động từ. Trong một số trường hợp, ta có thể sử dụng danh từ để biểu đạt phương pháp, nhưng đó chỉ là cách nói tắt. Ví dụ, các từ “biện chứng”, “siêu hình”, “hệ thống” “lịch sử”, “lôgic” là các danh từ, chứ không phải là các động từ; các từ “phương pháp biện chứng”, “phương pháp siêu hình”, “phương pháp hệ thống”, “phương pháp lịch sử”, “phương pháp lôgic” là cách nói tắt của các từ “phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng”, “phương pháp nhận thức theo quan điểm siêu hình”, “phương pháp nhận thức

theo quan điểm biện chứng về hệ thống”, “phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng về lịch sử”, “phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng về lôgic”.

Thứ ba, chủ thể của phương pháp hoạt động là con người, chứ không phải là con vật và đồ vật vô tri giác. Con vật và đồ vật vô tri giác (kể cả “người máy”) tuy cũng hoạt động nhưng không có phương pháp. Một hoạt động được gọi là một phương pháp chỉ khi chủ thể hoạt động đó là một người hoặc một nhóm người, một cộng đồng người.

Thứ tư, phương pháp hoạt động không tách rời với mục tiêu hoạt động; hơn nữa có nhiều phương pháp hoạt động để đạt tới một mục tiêu; một phương pháp hoạt động chỉ là một trong nhiều cách thức hoạt động mà người hoạt động lựa chọn để đạt tới một mục tiêu. Con vật và đồ vật vô tri giác không đặt ra mục tiêu hoạt động, và không có ý thức lựa chọn phương pháp hoạt động để đạt được mục tiêu. Chỉ con người mới đặt ra mục tiêu hoạt động, và mới có ý thức lựa chọn phương pháp hoạt động phù hợp để đạt được mục tiêu. Mỗi người trước khi hoạt động đều đặt ra mục tiêu cần đạt được, sau đó, đều xác định các phương pháp hoạt động khác nhau để đạt được mục tiêu đặt ra, và sau đó nữa, đều lựa chọn một trong các phương pháp hoạt động khác nhau đó. Mặc dù người nào cũng có một số hoạt động theo thói quen, nhưng hoạt động theo thói quen của con người vẫn là hoạt động có ý thức, chứ không phải là hoạt động bản năng. Ví dụ, hoạt động bơi của con người là hoạt động bơi theo thói quen, chứ không phải là hoạt động bơi theo bản năng; trước khi bơi, người bơi vẫn có ý thức lựa chọn phương pháp bơi phù hợp; ở những người bơi giỏi, thời gian cân nhắc lựa chọn phương pháp bơi là không đáng kể.

Thứ năm, một thao tác hoạt động chỉ trở thành một phương pháp hoạt động khi thao tác đó được coi là một trong những cách thức hoạt động để đạt tới một mục tiêu nào đó. Một thao tác hoạt động có thể được coi là một phương pháp hoặc không phải là một phương pháp; điều đó tùy thuộc vào việc thao tác hoạt động đó có được coi như là một trong những cách thức để đạt được một tiêu cụ thể nào đó hay không. Vì vậy, khi nói rằng một thao tác hoạt động nào đó là một phương pháp, ta cần chỉ rõ rằng thao tác đó được sử dụng để đạt một mục tiêu nào, có những thao tác nào khác có thể được sử dụng để đạt mục tiêu ấy. Ví dụ, khi nói rằng thao tác “đi bằng xe” là một phương pháp, thì ta cần phải chỉ ra rằng thao tác “đi bằng xe” và thao tác “đi không bằng xe” đều có thể được sử dụng “để đi đến một vị trí nào đó”. Ví dụ khác, khi cho rằng thao tác “thu nhận thông tin bằng cách quan sát” là một phương pháp thì ta phải chỉ ra rằng “phương pháp thu nhận thông tin bằng cách quan sát” và “phương pháp thu nhận thông tin không bằng cách quan sát” là hai phương pháp đều có thể được sử dụng “để thu nhận thông tin nào đó”.

Thứ sáu, trong số các phương pháp hoạt động có thể được sử dụng để đạt tới một mục tiêu, có phương pháp phù hợp và phương pháp không phù hợp, có phương pháp phù hợp nhiều và có phương pháp phù hợp ít. Phương pháp hoạt động càng phù hợp, chủ thể hoạt động càng dễ đạt được mục tiêu. Nếu lựa chọn phương pháp hoạt động không phù hợp, thì chủ thể hoạt động có thể sẽ không đạt được mục tiêu đặt ra. Việc xác định và lựa chọn phương pháp hoạt động phù hợp là việc làm quan trọng sau khi đề ra mục tiêu. Khi lựa chọn phương pháp hoạt động này, chứ không lựa chọn phương pháp hoạt động kia, chủ thể hoạt động tin rằng phương pháp hoạt động

ấy là phương pháp tốt nhất để đạt được mục tiêu đặt ra. Ví dụ, khi lựa chọn phương pháp nhận thức biện chứng hay phương pháp nhận thức siêu hình để nhận thức một vấn đề nào đó, chủ thể nhận thức tin rằng đó là phương pháp phù hợp để nhận thức vấn đề ấy. Phương pháp hoạt động có tác động quan trọng đến việc đạt được mục tiêu hoạt động. Dù mục tiêu hoạt động là tốt đẹp, cần thiết và khả thi, nhưng nếu sử dụng phương pháp hoạt động không phù hợp thì chủ thể hoạt động cũng sẽ không đạt được mục tiêu đặt ra. Các phương pháp hoạt động khác nhau tuy có thể cùng đạt tới một mục tiêu hoạt động, nhưng có sự khác nhau về quy trình hoạt động, phương tiện hoạt động, điều kiện hoạt động, thời gian hoạt động. Khi lựa chọn phương pháp hoạt động này chứ không phải lựa chọn phương pháp hoạt động kia, chủ thể hoạt động còn phải tính đến sự phù hợp về quy trình hoạt động, phương tiện hoạt động, điều kiện hoạt động, thời gian hoạt động.

Thứ bảy, phương pháp hoạt động có thể được xác định bằng trực quan, nhưng mục tiêu hoạt động thì không thể được xác định bằng trực quan. Bằng trực quan ta dễ dàng phân biệt được phương pháp hoạt động này với phương pháp hoạt động kia, vì một phương pháp hoạt động cụ thể là một hoạt động cụ thể, do một chủ thể cụ thể thực hiện với những phương tiện cụ thể với các thao tác cụ thể. Còn bằng trực quan ta không thể phân biệt được mục tiêu này với mục tiêu kia, vì mục tiêu tồn tại ở trong đầu óc của chủ thể hoạt động. Tuy vậy, bằng tư duy ta có thể suy đoán được mục tiêu hoạt động của một người, từ đó có thể phân biệt được mục tiêu này với mục tiêu kia.

Từ bảy nội dung như trên, có thể giải thích tóm tắt khái niệm phương pháp với nghĩa là “cách thức đạt tới mục tiêu” như sau: trước khi thực hiện một hoạt động bất

kỳ nào đó, người hoạt động bao giờ cũng đặt ra một mục tiêu; để đạt được mục tiêu đó, có nhiều phương pháp hoạt động; khi cho rằng một thao tác hoạt động nào đó là một phương pháp thì ta phải chỉ ra mục tiêu mà chủ thể nhằm đạt được, đồng thời phải chỉ ra các thao tác hoạt động khác để đạt mục tiêu ấy; để đạt được mục tiêu đặt ra, người hoạt động cần lựa chọn một phương pháp phù hợp nhất đối với mình. Khái niệm phương pháp với nội dung như trên là cơ sở lý thuyết để ta xác định một hoạt động nào đó có phải là một phương pháp hay không.

3. Phân loại khái niệm phương pháp

Có nhiều cách phân loại khái niệm phương pháp. Tương ứng với việc phân loại hoạt động thành hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức, ta có thể phân loại phương pháp thành các phương pháp hoạt động thực tiễn và các phương pháp hoạt động nhận thức (gọi tắt là phương pháp nhận thức).

Hoạt động thực tiễn là hoạt động vật chất, là quá trình biến ý thức thành vật chất, hay là quá trình hiện thực hóa ý thức. Khi hoạt động thực tiễn, người hoạt động phải sử dụng phương tiện vật chất và tác động vào đối tượng vật chất. Các hoạt động thực tiễn là: nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm, ăn, mặc, ở, đi, chạy, nhảy, lao động, sản xuất, thực nghiệm nghiên cứu; tham gia hoạt động chính trị - xã hội, giao tiếp, quản lý, lãnh đạo, chấp hành pháp luật, chống đối pháp luật, cưỡng chế, trấn áp, đấu tranh, đoàn kết, giúp đỡ, chữa bệnh, học tập, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, điều tra xã hội học, và nhiều hoạt động khác. Tương ứng với mỗi loại hoạt động thực tiễn nói trên có một nhóm nhiều phương pháp. Ví dụ: tương ứng với hoạt động nhìn, có các

phương pháp nhìn (phương pháp nhìn bằng mắt, phương pháp nhìn không bằng mắt, phương pháp nhìn trực tiếp, phương pháp nhìn không trực tiếp); tương ứng với hoạt động ăn, có các phương pháp ăn (phương pháp ăn bằng đũa, phương pháp ăn không bằng đũa, phương pháp ăn ngồi, phương pháp ăn không ngồi); tương ứng với hoạt động sản xuất, có các phương pháp sản xuất (phương pháp sản xuất bằng công cụ thủ công, phương pháp sản xuất không bằng công cụ thủ công, phương pháp sản xuất dựa trên chế độ công hữu, phương pháp sản xuất không dựa trên chế độ công hữu); tương ứng với hoạt động điều tra xã hội học, có các phương pháp điều tra xã hội học (phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi, phương pháp điều tra xã hội học không bằng bảng hỏi, phương pháp điều tra xã hội học trực tiếp, phương pháp điều tra xã hội học không trực tiếp); v.v..

Hoạt động nhận thức là hoạt động tinh thần, là quá trình biến vật chất thành ý thức, hay là quá trình vật chất di chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến trong đó. Khi hoạt động nhận thức, chủ thể hoạt động có thể không cần sử dụng phương tiện vật chất và không cần tác động vào đối tượng vật chất. Bởi vì, hoạt động nhận thức diễn ra trong đầu óc con người; dù ta ở trong trạng thái chân tay không động, mắt không nhìn, tai không nghe, ta có thể vẫn tiến hành hoạt động nhận thức. Các hoạt động nhận thức là: mô tả, giải thích, trừu tượng hóa, khái quát hóa, so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp, mô hình hóa, hình thức hóa, đi từ trừu tượng đến cụ thể, đi từ cụ thể đến trừu tượng, định nghĩa khái niệm, phân chia khái niệm, mở rộng khái niệm, thu hẹp khái niệm, tạo lập phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, xây dựng giả thuyết, và nhiều hoạt động khác. Tương

ứng với mỗi loại hoạt động nhận thức nói trên có một nhóm nhiều phương pháp. Ví dụ: tương ứng với hoạt động mô tả, có các phương pháp mô tả (phương pháp mô tả bằng ngôn ngữ thông thường, phương pháp mô tả không bằng ngôn ngữ thông thường, phương pháp mô tả theo quan điểm toàn diện, phương pháp mô tả không theo quan điểm toàn diện); tương ứng với hoạt động giải thích, có các phương pháp giải thích (phương pháp giải thích theo quan điểm biện chứng, phương pháp giải thích không theo quan điểm biện chứng, phương pháp giải thích lấy đối tượng làm trung tâm, phương pháp giải thích không lấy đối tượng làm trung tâm); tương ứng với hoạt động mô hình hóa, có các phương pháp mô hình hóa (phương pháp mô hình hóa dựa theo thuộc tính hình học của khách thể, phương pháp mô hình hóa không dựa theo thuộc tính hình học của khách thể); tương ứng với hoạt động định nghĩa khái niệm, có các phương pháp định nghĩa khái niệm (phương pháp định nghĩa khái niệm thông qua giống và khác biệt loài, phương pháp định nghĩa khái niệm không thông qua giống và khác biệt loài); tương ứng với hoạt động tạo lập phán đoán, có các phương pháp tạo lập phán đoán (phương pháp tạo lập phán đoán từ các khái niệm, phương pháp tạo lập phán đoán không từ các khái niệm); tương ứng với hoạt động suy luận, có các phương pháp suy luận (phương pháp suy luận diễn dịch, phương pháp suy luận không diễn dịch); tương ứng với hoạt động chứng minh, có các phương pháp chứng minh (phương pháp chứng minh trực tiếp, phương pháp chứng minh không trực tiếp); tương ứng với hoạt động bác bỏ, có các phương pháp bác bỏ (phương pháp bác bỏ nhằm vào luận cứ, phương pháp bác bỏ không nhằm vào luận cứ); v.v.. Dựa theo cách phân loại quan điểm nhận thức thành quan điểm biện

chứng và quan điểm không biện chứng, phương pháp nhận thức được phân thành phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng (phương pháp nhận thức biện chứng) và phương pháp nhận thức theo quan điểm không biện chứng (phương pháp nhận thức siêu hình). Quan điểm biện chứng là một hệ thống gồm có nhiều quan điểm biện chứng. Ví dụ, trong hệ thống các quan điểm biện chứng có quan điểm biện chứng về vận động, quan điểm biện chứng về không gian và thời gian, quan điểm biện chứng về phát triển, quan điểm biện chứng về mối liên hệ, quan điểm biện chứng về quan hệ giữa chất và lượng, quan điểm biện chứng về quan hệ giữa khẳng định và phủ định, quan điểm biện chứng về quan hệ giữa hai mặt đối lập, quan điểm biện chứng về chân lý và con đường hình thành chân lý, quan điểm biện chứng về quan hệ giữa nhận thức và thực tiễn, quan điểm biện chứng về quan hệ giữa sự vật và thuộc tính, giữa cái chung và cái riêng, giữa bản chất và hiện tượng, giữa tất nhiên và ngẫu nhiên, giữa nguyên nhân và kết quả, giữa nội dung và hình thức, giữa khả năng và hiện thực, giữa hệ thống và yếu tố, giữa lịch sử là lôgic, giữa trừu tượng và cụ thể, v.v.. Tương ứng với mỗi quan điểm biện chứng nói trên có một phương pháp nhận thức. Đó là: phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng về vận động, phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng về không gian và thời gian, phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng về phát triển, phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng về mối liên hệ, v.v..

Trong cách phân loại phương pháp nhận thức như trên, có ba điểm cần chú ý như sau. *Thứ nhất*, tương ứng với mỗi thao tác nhận thức, có phương pháp nhận thức theo quan điểm biện chứng và phương pháp nhận thức không theo quan điểm biện

chứng. Ví dụ, tương ứng với thao tác mô tả, có phương pháp mô tả theo quan điểm biện chứng và phương pháp mô tả không theo quan điểm biện chứng; tương ứng với thao tác giải thích, có phương pháp giải thích theo quan điểm biện chứng và phương pháp giải thích không theo quan điểm biện chứng. *Thứ hai*, phương pháp quan sát, phương pháp thống kê, phương pháp sưu tầm tư liệu, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp thực nghiệm không phải là các phương pháp nhận thức, mà là các phương pháp hoạt động thực tiễn. Bởi vì, hoạt động nghiên cứu khoa học (giống như hoạt động giáo dục, hoạt động đào tạo) có nhiều thao tác, trong đó một số thao tác là hoạt động nhận thức, một số thao tác là hoạt động thực tiễn; quan sát, thống kê, sưu tầm tư liệu, điều tra xã hội học, thực nghiệm là các hình thức của hoạt động thực tiễn, không phải là các thao tác của nhận thức. *Thứ ba*, cách tiếp cận đối với một vấn đề là phương pháp nghiên cứu vấn đề đó. Khi tiến hành nghiên cứu một số vấn đề nào đó, người nghiên cứu cần xác định các cách tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu. Cách tiếp cận là phương pháp tiếp cận. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu một vấn đề nào đó là phương pháp tiếp cận nghiên cứu vấn đề ấy. Tuy nhiên, đối với một vấn đề, không phải phương pháp nghiên cứu nào cũng là phương pháp tiếp cận nghiên cứu; chỉ các phương pháp nghiên cứu có tính định hướng cho toàn bộ hoạt động nghiên cứu thì mới là phương pháp tiếp cận nghiên cứu. Ví dụ, khi nghiên cứu vấn đề con người, ta có thể sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu vấn đề con người từ quan điểm cho rằng con người là tổng hòa các quan hệ xã hội, hoặc sử dụng cách tiếp cận nghiên cứu vấn đề con người từ quan điểm cho rằng con người là động vật có tư duy. Trên cơ sở xác định phương pháp tiếp cận nghiên

cứu vấn đề con người như vậy, ta mới chọn các phương pháp nghiên cứu cụ thể hơn (như phương pháp diễn dịch hay phương pháp quy nạp).

4. Kết luận

Khái niệm phương pháp có vị trí quan trọng đầu tiên trong hệ thống các khái niệm của phương pháp luận nói chung và phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói riêng. Phương pháp luận đã có lịch sử lâu đời. Khái niệm phương pháp là khái niệm thông dụng. Tuy vậy, khái niệm phương pháp vẫn chưa được sử dụng thống nhất. Mặc dù mỗi người đều có quyền sử dụng khái niệm phương pháp theo nghĩa riêng, nhưng khi sử dụng khái niệm đó ta cần định nghĩa và phân loại nó một cách rõ ràng để tránh bị hiểu lầm. Điều quan trọng khi luận bàn về phương pháp không phải là ở chỗ nên sử dụng khái niệm phương pháp theo nghĩa này hay nghĩa khác, nên hay không nên gọi một cái gì đó là phương pháp. Điều quan trọng khi luận bàn về phương pháp là ở chỗ, nên quan niệm như thế nào về các loại cách thức hoạt động, về quan hệ giữa các cách thức hoạt động với nhau, về quan hệ giữa cách thức hoạt động với chủ thể hoạt động, mục tiêu hoạt động, phương tiện hoạt động, hiệu quả hoạt động và với các mặt khác của hoạt động. Đây mới là thực chất của việc luận bàn về phương pháp. Nếu sự luận bàn về phương pháp là đúng đắn thì đó là cơ sở lý thuyết khoa học cho việc xác định và lựa chọn phương pháp phù hợp trong các hoạt động cụ thể.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Dân (1996), *Lôgic và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Vũ Cao Đàm (2008), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Đ.P.Gorki (1974), *Lôgic học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] E.V.Ilencôp (2003), *Lôgic học biện chứng*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [5] Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, t.3, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [6] Đoàn Văn Khái, Nguyễn Anh Tuấn, Dư Đình Phúc (2012), *Giáo trình Lôgic học và phương pháp học tập, phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Hòa (2014), *Giáo trình Lôgic học và phương pháp học tập, phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2009), *Lôgic học đại cương*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Phạm Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [10] M.M.Rodentan (1986), *Từ điển triết học*, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva.
- [11] https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%81_t%C3%A0i_nghi%C3%AAn_c%E1%BB%A9u_khoa_h%E1%BB%8Dc, truy cập ngày 20/10/2017.
- [12] <http://phuongphapnghien-cuu-khoa-hoc.com/qui-trinh-nghien-cuu-khoa-hoc/>, truy cập ngày 20/10/2017.
- [13] https://vi.wiktionary.org/wiki/ph%C6%B0%C6%A1ng_ph%C3%A1p#Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87, truy cập ngày 20/10/2018.
- [14] https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C6%B0%C6%A1ng_ph%C3%A1p_lu%E1%BA%ADn, truy cập ngày 20/10/2018.

